

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Ông Nguyễn Phúc Viễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thợ, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 540/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐXX – ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Văn T – sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh TG.

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị Hồng T1 - sinh năm: 1995;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh TG.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh TG.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và chị T1 cưới nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh TG. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, kéo dài. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị T1

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh C – sinh ngày 27/7/2018. Hiện cháu C đang sống với chị T. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa giao con cho chị T1 nuôi dưỡng thì tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh T cưới nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh TG. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, kéo dài. Nay tôi đồng ý ly hôn anh T

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh C – sinh ngày 27/7/2018. Hiện con chung đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung là cháu C, tôi yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng thì tôi không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Xét thấy, anh T cho rằng anh và chị T1 không hợp nhau trong cuộc sống nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, kéo dài. Chị T1 cũng thống nhất là hai vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với anh T, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1. Về con chung có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh C – sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay cháu Quỳnh C đang sống chung với chị T1, là bé gái, chị T1 có công việc ổn định có khả năng nuôi cháu C. Do đó, việc chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh C là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T1 yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T1, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T Hội đồng xét xử xét thấy: anh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau trong cuộc sống nên chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, kéo dài. Chị T1 cũng thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và đồng ý ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh C – sinh ngày 27/7/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T1 làm công nhân, công việc ổn định, hơn nữa cháu C là con gái, ngoài ra, cháu C đang sống chung với chị T1 nhằm đảm bảo cho cháu C phát triển ổn định về tâm lý lẫn tinh thần nên cần tiếp tục giao cháu C cho chị T1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T1 yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Với mức cấp dưỡng này anh T không đồng ý nên Hội đồng xét xử điều chỉnh theo quy định của pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tương đương số tiền 750.000 đồng. Do đó, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C 750.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm 11, phần III. Về Dân sự của Công văn số 02/TANDTC – PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì anh T chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T1 chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và anh T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm 11, phần III. Về Dân sự của Công văn số 02/TANDTC – PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng T1

2. Về con chung:

+ Giao cháu Trần Ngọc Quỳnh C – sinh ngày 27/7/2018 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Án phí: Anh Trần Văn T chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025318 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, anh T còn phải nộp tiếp 75.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng T1 chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã T, CG, TG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

